

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2023/HS-PT

Ngày: 31-10-2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Tỉnh

*Các Thẩm phán:* Ông Bùi Quang Sơn

Ông Nguyễn Thế Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Như Sương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:**

Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 70/2023/TLPT-HS ngày 02 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo **Lê Thành T** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2023/HSST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

*Bị cáo có kháng cáo:* **Lê Thành T**, sinh năm 2001 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **số A ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: chăn nuôi; trình độ học vấn: 05/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông **Lê Văn H** (chết) và bà **Trịnh Thị N**; vợ: **Phạm Thị Xí M**; con: bị cáo có 01 con sinh năm 2021; tiền án: không; tiền sự: 01 tiền sự. Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 05/QĐ-XPHC ngày 30/4/2023 của Trưởng **công an xã A, huyện T** xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.000.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” (BL 372), (nộp phạt ngày 10/5/2022). Nhân thân: tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 63/QĐ-XPVPHC ngày 04/3/2018, bị Trưởng **Công an xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre** xử phạt vi phạm hành chính số tiền 375.000 đồng về hành vi “Sử dụng tái phép chất ma túy”, đã nộp phạt ngày 16/3/2018; Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 09/QĐ-XPHC ngày 27/4/2020, bị Trưởng **Công an xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre** xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.000.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, đã nộp phạt xong ngày 06/5/2020. Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 22/QĐ-XPHC

ngày 30/8/2021 bị Trưởng Công an xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, đã nộp phạt ngày 31/8/2021; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Thị M1, luật sư Nguyễn Văn T1 – Công ty luật Luật sư M1 và Cộng sự; (Luật sư Nguyễn Văn T1 vắng mặt có đơn xin vắng).

(Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Văn S nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị).

- Người làm chứng theo yêu cầu của bị cáo: Bùi Văn Đ, sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre, có mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 19 giờ 15 phút, ngày 14/11/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Bến Tre bắt quả tang Lê Thành T và Nguyễn Văn S có hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Vật chứng thu giữ tại hiện trường gồm: 01 hộp giấy carton (loại đựng khẩu trang y tế) có ghi chữ “ORACORTIA, khẩu trang kháng khuẩn bốn lớp chất lượng cao sử dụng một lần” được dán một lớp băng keo dính màu vàng; 01 gói nylon được hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp có sọc màu đỏ bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy được dán lớp băng keo dính màu vàng; 03 đoạn ống thủy tinh có kích thước lần lượt 4,5cm, 5,5cm và 6,5cm; 01 đoạn băng keo dính màu vàng dài 19cm, phần rộng nhất là 05cm, phần hẹp nhất là 03cm. Thu giữ trên người của Lê Thành T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, gắn sim 1 số: 0333816362, gắn sim 2 số: 0374160453, số Imel1: 869945060267735, số Imel2: 869945060267727 và tiền Việt Nam 20.000 đồng. Thu giữ trên người của Nguyễn Văn S 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, gắn sim số 0394620729, số Imel1: 865570057837458, số I: 865570057837441 và tiền Việt Nam 200.000 đồng; 01 xe mô tô loại Exciter màu xanh-trắng, biển số 71C3-117.07, số khung RLCE55P10EY856752, số máy 55P1356761. Tiến hành test nhanh xác định Lê Thành T và Nguyễn Văn S dương tính với chất ma túy loại Methamphetamine.

Qua điều tra, T và S khai nhận: Vào chiều ngày 14/11/2022, Nguyễn Văn S đến nhà của T tại ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre chơi thì T rủ S hùn tiền mua ma túy đá sử dụng, S đồng ý và đưa cho T 200.000 đồng, T hùn 300.000 đồng, tổng cộng là 500.000 đồng. Khoảng 16 giờ cùng ngày, T dùng điện thoại di động và sử dụng mạng xã hội zalo gọi cho một người thanh niên tên T2 - không rõ lai lịch (ở huyện B, tỉnh Bến Tre) đặt mua 500.000 đồng ma túy và hỏi xin bộ dụng cụ

sử dụng ma túy. **T** và **T2** thỏa thuận hình thức giao dịch Trung chuyển tiền trước, **T2** gửi ma túy qua **phà R thuộc xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre**. **T2** nhận tiền xong và thông báo cho **T** biết ma túy được để trong hộp giấy và treo trên lang can phà yêu cầu **T** đến nhận. Sau đó, **S** điều khiển xe biển số 71C3-117.07 chở **T** đến bến phà để nhận ma túy. Khi vừa lấy ma túy xong, **S** điều khiển xe chở **T** ngồi phía sau cầm hộp giấy có chứa ma túy phía bên trong chạy lên đường dẫn bến phà thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang.

Tại kết luận giám định số: 541/2022/KL-KTHS ngày 18/11/2023 của **Phòng K Công an tỉnh B** kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) gói nylon được niêm phong trong phong bì ký hiệu 01 gửi giám định là ma túy; loại: Methamphetamine; khối lượng 0,4826 gam. Hoàn lại Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện T**, tỉnh Bến Tre mẫu vật ký hiệu 01 sau giám định đã được niêm phong có khối lượng 0,3838 gam.

Tại Kết luận giám định số 171/KL-VPYTW ngày 17/3/2023 của **Viện Pháp y tâm thần Trung ương B** xác định tình trạng bệnh lý của **Nguyễn Văn S** như sau:

“- Về y học: Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay: Đang sự bị Sử dụng chất kích thích gây hại/ Rối loạn nhân cách và cảm xúc không ổn định.

- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi:

+ Tại thời điểm gây án: Đang sự bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

+ Hiện nay: Đang sự đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi”.

\* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2023/HS-ST ngày 04-8-2023 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 1979/2023/TB-TA ngày 09/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, đã quyết định: Tuyên bố bị cáo **Lê Thành T** phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Lê Thành T** 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh, hình phạt đối với đồng phạm khác, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/8/2023 bị cáo **Lê Thành T** kháng cáo yêu cầu giảm hình phạt tù và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo yêu cầu được hưởng án treo hoặc giảm hình phạt tù và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp nội dung bản án sơ thẩm, tuy nhiên bị cáo cho rằng không rủ anh **S** mua ma túy.

*Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:* Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo **Lê Thành T** phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo

điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có cơ sở. Xét kháng cáo của bị cáo trong vụ án bị cáo là người lôi kéo người khác mua ma túy về sử dụng, xét yêu cầu hưởng án treo của bị cáo là không phù hợp do bị cáo có nhân thân xấu, xét yêu cầu giảm hình phạt, với mức hình phạt 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù là phù hợp nên giữ nguyên và không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Lê Thành T**, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 37/2023/HS-ST ngày 04-8-2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (theo điểm a khoản 1 khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự). Đề nghị tuyên bố bị cáo **Lê Thành T** phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Lê Thành T** 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bị cáo không tranh luận

Người bào chữa cho bị cáo cho rằng không tranh luận về tội danh, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo bổ sung kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo học vấn thấp nên hiểu biết pháp luật hạn chế; bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra phát hiện tội phạm. Về hoàn cảnh gia đình, bị cáo là lao động chính trong gia đình, có con còn nhỏ, mẹ già, vợ bị bệnh tâm thần. Đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Lúc 19 giờ 15 phút ngày 14 tháng 11 năm 2022, tại **ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre, công an huyện T, tỉnh Bến Tre** bắt quả tang **Lê Thành T** và **Nguyễn Văn S** có hành vi tàng trữ trái phép 0,4826 gam ma túy, loại Methamphetamine, nhằm mục đích để sử dụng. Với ý thức, hành vi và khối lượng chất ma túy mà bị cáo đã tàng trữ, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo **Lê Thành T** phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định

pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo **T** cho rằng không rủ **Nguyễn Văn S** mua chất ma túy để sử dụng, tuy nhiên qua lời khai trong quá trình điều tra thể hiện: Tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang (BL 05) **Lê Thành T** trình bày “*Vào chiều ngày hôm nay 14/11/2022 do bản thân có nhu cầu sử dụng ma túy đá, nên tôi có gọi cho anh **S** để bàn với anh **S** về việc hùn tiền lại để mua ma túy*”; phù hợp với lời khai tại Bút lục 209 “*anh **S** chạy đến nhà tôi và tôi rủ anh **S** hùn tiền lại để mua ma túy về sử dụng*”, phù hợp với lời khai tại Bút lục 227 “*... anh **S** nói có 200.000 đồng, tôi có 300.000 đồng nên tôi rủ anh **S** hùn tiền lại tổng cộng 500.000 đồng để tôi liên hệ đặt mua ma túy sử dụng*”, phù hợp lời khai của anh **S** trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm (BL 574, 575) “**T** rủ mua ma túy để chơi”. Do vậy, có cơ sở xác định bị cáo **T** là người rủ anh **S** hùn tiền để mua ma túy để sử dụng.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đã xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo có con nhỏ chưa thành niên, vợ bị cáo đang phải điều trị theo bệnh rối loạn hành vi và tâm thần kết hợp với thời kỳ sinh đẻ, ông nội bị cáo có công cách mạng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ là “Tích cực giúp cơ quan điều tra phát hiện tội phạm”, thấy rằng, các lời khai của bị cáo khai mua ma túy của người tên **T2**, được Cơ quan điều tra điều tra người tên **T2** thì không rõ lai lịch nên không có cơ sở áp dụng cho bị cáo và tình tiết “Bị cáo nhận thức pháp luật còn hạn chế do học vấn thấp” khi đó anh **S** trong cùng vụ án lại được áp dụng, thấy rằng bị cáo học vấn lớp 5/12, anh **S** học vấn lớp 01/12 thì khác nhiều về nhận thức, trong khi đó bị cáo nhiều lần vi phạm hành chính liên quan đến ma túy nên không phù hợp để áp dụng cho bị cáo.

Xét yêu cầu hưởng án treo của bị cáo, thấy rằng, xét về nhân thân, bị cáo có nhân thân xấu, có một tiền sự về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” nhưng vẫn tiếp tục thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích để sử dụng, thể hiện việc chấp hành pháp luật không tốt nên không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Tòa án cấp sơ thẩm không cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp. Xét yêu cầu giảm hình phạt tù, với mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 02 năm 03 tháng tù là phù hợp với hành vi của bị cáo và đồng phạm khác (**Nguyễn Văn S** bị phạt 02 năm tù) trong khi đó bị cáo **T** là người rủ rê, trực tiếp liên hệ mua ma túy, chuyển tiền và lấy ma túy, trực tiếp tàng trữ ma túy, là người có vai trò chính trong việc tàng

trữ chất ma túy. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về ma túy nên giữ nguyên mức hình phạt. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đối với việc tính thời hạn tù, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên trừ 01 ngày tù là ngày 14/11/2022, thấy rằng theo Biên bản bắt người phạm tội quả tang lúc 19 giờ 15 ngày 14/11/2022 kết thúc lúc 21 giờ 15 ngày 14/11/2022, tiếp theo là Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị bắt giữ lúc 21 giờ 25 ngày 14/11/2022 kết thúc lúc 22 giờ 15 ngày 14/11/2022, Biên bản trả tự do đối với Lê Thanh Trung lập lúc 07 giờ 00 đến 07 giờ 05 phút ngày 15/11/2022. Thuộc trường hợp tạm giữ hành chính mà không phải bằng Quyết định tạm giữ, Tòa án cấp sơ thẩm trừ 01 ngày tù là không phù hợp nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho phù.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử. Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo có phần không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Lê Thành T**, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 37/2023/HS-ST ngày 04-8-2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre;

Tuyên bố bị cáo **Lê Thành T** phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Lê Thành T** 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù,

2. Về án phí. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo **Lê Thành T** phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú (3b);
- VKSND huyện Thạnh Phú (1b);
- Công an huyện Thạnh Phú (1b);
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú (1b);
- UBND xã An Điền, huyện Thạnh Phú (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng  
TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**Phạm Văn Tỉnh**